TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1140/2018/DS-ST.

Ngày: 18-06-2018.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh,

2. Ông Nguyễn Quốc Huy,

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Võ Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai theo thủ tục sơ thẩm vụ án thụ lý số 1666/2015/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2015 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC**.

Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông N. V. H., sinh năm 1961 (Văn bản ủy quyền số 1184/UQ-QLN.17 ngày 26/12/2017).

2. Bị đơn: Ông **N. N. T.**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 33 TVK, Phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC có đại diện là ông N.V.H. là đại diện trình bày*:

Ngày 28/12/2010, ông N. N. T. có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 221101819860 (thẻ Master vàng) có phí thường niên là 400.000 đồng và được ngân hàng phê duyệt ngày 18/01/2011 với hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Sau khi nhận thẻ, ông T. đã sử dụng cho tiêu dùng cá nhân nhưng đã không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Đến ngày 21/11/2014, ông T. nợ số tiền tổng cộng là 22.610.722 đồng nên AC đã chuyển số tiền nợ này sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên số tiền chuyển nợ quá hạn tính từ ngày 21/11/2014.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông N. N. T. thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền còn thiếu theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 221101819860 ngày 18/01/2011 với số tiền gốc là 22.610.722 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng tính từ ngày 21/11/2014 cho đến khi thanh toán xong.

** Bị đơn ông N. N. T. trình bày tại bản khai ngày 12/5/2016*:

Ông T. xác nhận có sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP AC. Đến năm 2015, ông T. bị mất ví, trong đó có thẻ tín dụng mà AC cấp cho ông sử dụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AC, ông N. N. T. đề nghị AC miễn tiền lãi, và ông T. sẽ trả số tiền gốc trong vòng từ 03 đến 06 tháng.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC khởi kiện tranh chấp tín dụng đối với ông N. N. T. được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, do ông T. vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 221101819860 ngày 18/01/2011 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét, Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC khởi kiện yêu cầu ông N. N. T. thanh toán số tiền còn thiếu, bao gồm tiền gốc và tiền lãi, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp huyện.

Tại kết quả xác minh theo Quyết định số 799/2018/QĐ-CCTLCC ngày 17/4/2018, Công an Phường 14, quận Bình Thạnh xác nhận *ông N. N. T., sinh năm 1966, có hộ khẩu thường trú: 33 TVK, Phường 14, quận Bình Thạnh, nhưng đã bán nhà*. Tại kết quả xác minh theo Quyết định số 827/2018/QĐ-CCTLCC ngày 23/4/2018, Công an Phường 17, quận Gò Vấp xác nhận *ông N. N. T. có tạm trú tại 7/76 LHP, Phường 17, quận Gò Vấp từ ngày 25/4/2006 đến tháng 5/2009, chuyển đi nơi khác cư trú không rõ địa chỉ*. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông N. N. T. cung cấp cho Toà án địa chỉ là 33 TVK, Phường 14, quận Bình Thạnh khi nhận trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, lập bản tự khai ngày 12/05/2016, và phiên hoà giải ngày 09/08/2016; và biên bản tống đạt ngày 06/11/2017 thể hiện việc tống đạt cho bị đơn N. N. T. thông qua người thứ ba là bà NTH là mẹ ruột của ông T.. Từ tháng 01/2018 đến nay, ông T. không còn cư trú tại địa chỉ đã cung cấp cho Toà án và cũng không thông báo cho Toà án cũng như nguyên đơn biết địa chỉ mới. Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn N. N. T. là 33 TVK, Phường 14, quận Bình Thạnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng:

Xét đại diện nguyên đơn có Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 15/08/2018 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện phù hợp với quy định của pháp

luật nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bị đơn ông N. N. T. đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt tại phiên toà được triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông N. N. T..

[3] Nội dung yêu cầu:

Tại đơn xin vắng mặt, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ông N. N. T. thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền còn thiếu theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 221101819860 ngày 28/12/2010, được phê duyệt ngày 18/01/2011, với số tiền gốc là 22.610.722 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng tính từ ngày 21/11/2014 cho đến khi thanh toán xong.

Căn cứ nội dung ngành, nghề kinh doanh của AC tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và sự thừa nhận của ông N. N. T., AC và ông N. N. T. có giao kết hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức thẻ tín dụng (thẻ Master vàng), có hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Xét, chủ thể ký kết, nội dung và hình thức giao kết phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 (Điều 122, Điều 123, và Điều 124 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11) và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận.

Xét trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T. đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt tổng cộng 15.000.000 đồng, giao dịch thanh toán tiền hàng tổng cộng 114.408.000 đồng, nhưng không thanh toán cho các giao dịch phát sinh từ tháng 08/2014 đến tháng 11/2014 là vi phạm thoả thuận về nghĩa vụ của chủ thẻ tại hợp đồng, đồng thời đề nghị của ông T. về miễn lãi và trả dần nợ gốc không được AC chấp nhận nên căn cứ các thoả thuận tại hợp đồng tín dụng, Điều 463 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 (Điều 471 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11), ông T. phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản vay và lãi phát sinh cho ngân hàng.

Việc AC đã chuyển những khoản nợ của ông T. tổng cộng là 22.610.722 đồng sang nợ quá hạn ngày 21/11/2014 sau nhiều kỳ liên tiếp ông T. không

thanh toán số tiền tối thiểu là phù hợp với thoả thuận tại Điều 10 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Theo Bảng kê tính lãi khách hàng N. N. T. đến ngày 18/06/2018 của AC, đến ngày xét xử sơ thẩm, ông T. còn nợ AC số tiền tổng cộng là 55.386.339 đồng, trong đó tiền gốc là 22.610.722 đồng và tiền lãi quá hạn là 32.775.617 đồng. Xét việc Ngân hàng tính các khoản lãi quá hạn nêu trên dựa vào các thỏa thuận đối với khách hàng là phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC: Buộc ông N. N. T. phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền tổng cộng đến ngày xét xử sơ thẩm là 55.386.339 đồng, trong đó: tiền gốc là 22.610.722 đồng, tiền lãi quá hạn là 32.775.617 đồng, và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 221101819860 ngày 18/01/2011 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay.

[4] Án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, bị đơn ông N. N. T. phải chịu án phí sơ thẩm là: 55.386.339 đồng x 5% = 2.769.317 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười bảy đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC.

Ông N. N. T. có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 221101819860 ngày 18/01/2011 tổng cộng là 55.386.339 đồng (Năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi chín đồng), trong đó tiền nợ gốc là 22.610.722 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm mười ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng) và tiền lãi quá hạn là 32.775.617 đồng (Ba mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay, ông N. N. T. còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 221101819860 ngày 18 ngày 01 năm 2011.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 2.769.317 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười bảy đồng) ông N. N. T. phải chịu.

2.2. Hoàn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 764.582 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm tám mươi hai đồng) theo Biên lai số 0002607 ngày 10/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thúy Vân